

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2022/HS-ST**

Ngày 23 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Việt Nguyên.

2. Ông Lê Minh Chiêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2022/TLST - HS ngày 19 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1960, tại Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị S, sinh năm 1928; Gia đình bị cáo có 08 anh em, bị cáo là con thứ tư; có vợ là Đào Thị T3, sinh năm 1962 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1984.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 79/1993/HSPT ngày 19/6/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây T11 tích”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/01/2022, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị T4**, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1963, tại Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và bà: Nguyễn Thị K (đã chết); Gia đình bị cáo có 08 chị

em, bị cáo là con thứ sáu; có chồng là Nguyễn Văn T5, sinh năm 1960 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1989.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/01/2022, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trương Minh Q**, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1970, tại Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Kim Đ (đã chết) và bà: Trịnh Thị C, sinh năm 1922; Gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con út; có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: - Ngày 18/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/6/2015) về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung số tiền 6.000.000đ.

- Ngày 05/02/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 25/01/2022, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn T6**, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1983, tại Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1952 và bà: Trịnh Thị L, sinh năm 1952; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út; có vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1984 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/01/2022, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn T7**, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1965, tại Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 1/10; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T8 (đã chết) và bà: Trịnh Thị T9 (đã chết); Gia đình bị cáo có 06 chị em, bị cáo là con thứ năm; có vợ đã ly hôn và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1994.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/01/2022, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Trịnh Đăng T10**, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1990, tại Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Đăng L (đã chết) và bà: Trịnh Thị Th (đã chết); Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con đầu, chưa có vợ con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/01/2022, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Trịnh Thị T11**, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1989, tại Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn X (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H (đã chết); Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; có chồng đã ly hôn và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/01/2022, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo* **Trương Minh Q, Nguyễn Văn T6 và Trịnh Đăng T10**: Bà Nguyễn Thị Ngà, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T4 trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

- *Người làm chứng*: Ông Lê Trung TH, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người chứng kiến*: Anh Trịnh Ngọc H, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 12/01/2022, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T6 đi uống rượu liên hoan các cụ ở Tổ dân phố 9, Thị trấn B, huyện Yên Định. Khi đang uống rượu, T rủ T6 “tí uống rượu xong anh em ta đi đánh bạc” thì T6 đồng ý. Đến 21 giờ cùng ngày, sau khi uống rượu xong T và T6 đi xuống nhà Nguyễn Thị T4 ở tổ dân phố 10, Thị trấn B, huyện Yên Định để chơi. Khi vào nhà, T4 đang ở nhà nên T, T6, T4 ngồi uống nước với nhau. Sau đó có thêm Nguyễn Văn T7, Trương Minh Q cùng

đến nhà T4 uống nước cùng ba người trên tại chiếu đã chải sẵn ở phòng khách nhà Nguyễn Thị T4. Do chiếu bị ướt nên Nguyễn Thị T4 lấy một chiếc chiếu cói khác chải lên trên để mọi người ngồi. Lúc này, có Trịnh Thị T11 (là cháu của Nguyễn Thị T4) đến chơi nhưng T11 đi vào trong buồng đi ngủ. Khi T, T6, T4, T7 và Q đang ngồi uống nước với nhau thì Nguyễn Văn T rủ mọi người đánh bài ăn tiền nên T6, T4, T7 và Q đồng ý. Nguyễn Thị T4 lấy một bộ bài tú lơ khơ đã cũ có sẵn trong nhà (không rõ bao nhiêu cây bài) để xuống chiếu cho mọi người cùng chơi. Sau đó Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Văn T7 và Trương Minh Q bắt đầu chơi đánh bài liêng ăn tiền với nhau. Trong ván chơi mỗi người được chia ba cây bài để tính điểm ăn thua với nhau, tiền đặt cửa thấp nhất 20.000đ.

Khi những người trên chơi đánh bạc được một lúc thì Trịnh Thị T11 đang nằm trong buồng thấy mọi người đánh bài ăn tiền nên đi ra, Nguyễn Thị T4 chơi thua hết tiền nên nghỉ không chơi nữa đi vào buồng đi ngủ thì T11 ngồi xuống đánh bài cùng với T, T6, T7 và Q. Một lúc sau, có Trịnh Đăng T10 đến và tham gia đánh bạc ăn tiền cùng với mọi người. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn T6 lúc này đã chơi thua hết tiền nên không chơi nữa mà lên ghế ngồi xem T, T7, Q, T11 và Thu chơi. Đến 00 giờ 05 phút ngày 13/01/2022, trong lúc Nguyễn Văn T cùng với Nguyễn Văn T7, Trương Minh Q, Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 đang sát phạt nhau trên chiếu bạc thì bị công an Thị trấn B phát hiện và bắt quả tang. Lúc này, Trịnh Thị T11 chạy vào phòng ngủ, Nguyễn Thị T4 đi ra ngoài phòng khách. Công an Thị trấn B đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi đánh bạc trái phép đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Thị T4, Trương Minh Q và Trịnh Đăng T10. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 6.040.000đ, 01 bộ bài tú lơ khơ 49 cây và 02 chiếu cói đã qua sử dụng. Cùng ngày, Nguyễn Văn T6 và Trịnh Thị T11 đã đến công an Thị trấn B đầu thú và khai nhận về hành vi đánh bạc trái phép của mình cùng các đồng phạm nêu trên. Công an Thị trấn B đã chuyển hồ sơ, tang vật cùng các đối tượng đến Công an huyện Yên Định để tạm giữ điều tra theo quy định (BL 01-02, 97, 127, 164-165, 172, 190-191, 204-205, 222-223, 225-226, 262-263, 304, 309-310, 359, 360-361, 392-393, 396, 398-399).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Thị T4, Trương Minh Q, Trịnh Đăng T10, Trịnh Thị T11 và Nguyễn Văn T6 đã thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc trái phép của bản thân và đồng phạm. Lời khai phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Quá trình điều tra cũng đã xác định, tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 6.040.000đ. Về địa điểm sử dụng đánh bạc là tại phòng khách

nhà Nguyễn Thị T4. Chiều có sẵn trong nhà T4, bài do T4 đưa cho mọi người để đánh bạc.

Về vật chứng vụ án: Thông qua bắt người quả tang, Cơ quan điều tra đã thu giữ: Tiền Việt Nam thu trên chiếu bạc là 6.040.000đ; 01 bộ bài tú lơ khơ 49 cây và 02 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng (BL 03-04). Các vật chứng đang được bảo quản, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSYĐ ngày 18/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T4, Trương Minh Q, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T7, Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T4, Trương Minh Q, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T7, Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T4, Trương Minh Q, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T7, Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 phạm tội “Đánh bạc”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Minh Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2022 đến ngày 26/01/2022. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T4 từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T7 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T6 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Văn T7 và Nguyễn Văn T6 cho UBND Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Thị T11 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày quy đổi từ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/01/2022). Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s, p Khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Đăng T10 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày quy đổi từ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/01/2022). Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao các bị cáo Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 cho UBND Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 49 cây và 02 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.040.000đ, hiện đang tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Yên Định.

Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Minh Q, Nguyễn Văn T6 và Trịnh Đăng T10 đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s, p Khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Đăng T10 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T6 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Minh Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo T, T4, T7 và T11 không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo Q, T6 và Thu đồng ý với quan điểm của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng đều mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Định; hành vi của Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T4, Trương Minh Q, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn T6, Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 đã hoàn toàn thừa nhận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên trong khoảng thời gian từ 21 giờ ngày 12/01/2022 đến 00 giờ 05 phút ngày 13/01/2022, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T4, Trương Minh Q, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn T6, Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 đã cùng nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài “liêng” ăn tiền tại nhà của Nguyễn Thị T4 ở Tổ dân phố 10, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa bị công an phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền đánh bạc được xác định là 6.040.000đ.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài “liêng” của Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T4, Trương Minh Q, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn T6, Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Đây là vụ án đánh bạc có tính chất ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng. Mọi hành vi đánh bạc với mục đích sát phạt nhau bằng tiền đều phải xử lý. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm để giáo dục, đồng thời răn đe kẻ khác có ý định phạm tội.

Đánh giá tính chất đồng phạm: Các bị cáo tham gia đánh bạc không có sự phân công bàn bạc từ trước, không có người canh gác, bảo vệ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó Nguyễn Văn T là người khởi xướng và trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu đến cuối; Nguyễn Thị T4 là chủ nhà và là người chải chiếu, lấy bài cho các đồng phạm đánh bạc, trực tiếp tham gia đánh bạc nên T và T4 phải chịu vai trò thứ nhất trong vụ án. Đối với Trương Minh Q, Nguyễn Văn T7 là người trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu đến cuối nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án; Nguyễn Văn T6 là người được T rủ đi đánh bạc ngay từ đầu nên đồng ý và cũng tích cực tham gia đánh bạc từ đầu nhưng đã nghỉ chơi trước Q và T7 nên phải chịu vai trò thứ ba trong vụ án. Còn Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 tham gia đánh bạc sau nên giữ vai trò cuối cùng trong vụ án là phù hợp.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Thị T4, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn T6, Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trịnh Đăng T10 là người khuyết tật nặng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại Điểm p Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T được tặng giấy chứng nhận gia đình sản xuất, kinh doanh giỏi; bị cáo Trương Minh Q có bố được tặng huân huy chương kháng chiến; Bị cáo Nguyễn Văn T7 đã từng tham gia quân đội từ năm 1985-1988, có bố được tặng huân huy chương kháng chiến chống Mỹ; bị cáo Trịnh Thị T11 có bố được tặng bằng khen trong phong trào thi đua bảo vệ an ninh Tổ quốc và sau khi phạm tội đã đến công an đầu thú; bị cáo T6 sau khi phạm tội đã đến công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội nên các bị cáo T, Q, T7, T11 và T6 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Do vậy, căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt cho phù hợp, HĐXX xét thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Theo bản án số 79/1993/HSPT ngày 19/6/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây T11 tích”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Đối với tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và bồi thường thiệt hại bị cáo T trình bày đã thực hiện xong nhưng do thời gian đã lâu, gia đình chuyển nhà, mưa lũ nên không còn lưu được giấy tờ. Tại cơ quan thi hành án cũng không còn lưu sổ sách. Ông Lê Trung TH, nguyên là Phó chủ tịch kiêm trưởng công an xã Quý Lộc, huyện Yên Định thời kỳ 1994-2004 có ý kiến trình bày vào năm 1994, cơ quan thi hành án phối hợp cùng với UBND xã đã thu tài sản của bị cáo T để thực hiện việc thi hành án. Tính từ ngày bị cáo T phạm tội năm 1993 đến lần phạm tội này đã gần 30 năm và bị cáo T luôn chấp hành mọi chủ trương chính sách của Nhà nước, được chính quyền địa phương xác nhận. Do vậy, HĐXX xét thấy để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, xác định bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Lần phạm tội này, bị cáo phạm tội có tính chất ít nghiêm trọng, số tiền tham gia đánh bạc ít, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là người cao tuổi, trong quá trình sinh sống lao động tại địa phương có nhiều thành tích, được chứng nhận gia đình đạt danh hiệu gia đình nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi nhiều năm liền và có xác nhận của UBND Thị trấn B về tích cực tham gia sản xuất lao động. Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục răn đe bị cáo thành công dân tốt.

Đối với bị cáo Trương Minh Q, tuy không có tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về hành vi đánh bạc năm 2015 và 2018. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đương nhiên được xóa án tích, nhưng xét thấy bị cáo vẫn chưa có ý thức để sửa chữa sai lầm. Bị cáo tham gia đánh bạc tích cực từ đầu đến cuối. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T4, Nguyễn Văn T7 và Nguyễn Văn T6, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, tham gia đánh bạc sau nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện cải tạo

bị cáo thành công dân tốt. Do bị cáo Thu là người khuyết tật nặng, bị cáo T11 điều kiện hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định, đã ly hôn chồng và đang nuôi con nhỏ nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo là phù hợp.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Trịnh Thị T11, Trịnh Đăng T10 và Trương Minh Q bị tạm giữ, tạm giam nên cần trừ thời gian tạm giữ, tạm giam cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo T là người cao tuổi, bị cáo Q thuộc hộ nghèo, bị cáo T6 là hộ cận nghèo, bị cáo Thu là người khuyết tật nặng. Đối với các bị cáo T4, T7, T11 điều kiện hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định. Do đó, HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền đánh bạc 6.040.000đ là công cụ phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 01 bộ bài tú lơ khơ 49 cây và 02 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo T là người cao tuổi, bị cáo Q thuộc hộ nghèo, bị cáo T6 là hộ cận nghèo, bị cáo Thu là người khuyết tật nặng nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo T4, T7 và T11 bị kết án, không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T4, Trương Minh Q, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T7, Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Minh Q 08 (tám) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 13 (mười ba) ngày (từ ngày 13/01/2022 đến ngày 25/01/2022). Bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng 17 (mười bảy) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T4 07 (*bảy*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (*mười bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T7 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*Mười hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T6 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*Mười hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Văn T7 và Nguyễn Văn T6 cho UBND Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thị T11 10 (*Mười*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày quy đổi từ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/01/2022). Bị cáo còn phải chấp hành 09 (*chín*) tháng 21 (*hai mốt*) ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo T11.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s, p Khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Đăng T10 10 (*Mười*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày quy đổi từ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/01/2022). Bị cáo còn phải chấp hành 09 (*chín*) tháng 21 (*hai mốt*) ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Thu.

Thời hạn cải tạo không giam giữ áp dụng đối với bị cáo Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 tính từ ngày UBND Thị trấn B, huyện Yên Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Trịnh Thị T11 và Trịnh Đăng T10 cho UBND Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.040.000đ (*Sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*) được niêm phong trong một phong bì có kích thước 24cm x 17cm, gồm 05 hình dấu trong của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh Hóa, các chữ ký đứng tên Lê Thị Bích Ngọc, Lê Thị Hòa theo phiếu nhập kho số 02/2022 ngày 28/01/2022 của Kho bạc Nhà nước huyện Yên Định.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 49 cây và 02 chiếu cói đã qua sử dụng theo phiếu nhập kho số NK 35 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Trương Minh Q, Nguyễn Văn T6 và Trịnh Đăng T10.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T4, Nguyễn Văn T7 và Trịnh Thị T11 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên quyền kháng cáo bản án cho các bị cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Bị cáo;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa